

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. VŨ THỊ THANH BÌNH

Phó Chủ tịch Công đoàn Giáo dục Việt Nam

Xác định mục tiêu phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, những năm qua, việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, phát triển quy mô giáo dục cả đại trà và mũi nhọn trên cơ sở đảm bảo chất lượng và điều chỉnh cơ cấu đào tạo, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đa dạng hoá loại hình trường lớp... đã được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm. Giáo dục đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân; xây dựng được hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất, hoàn chỉnh, phủ kín các xã, phường trong cả nước gồm đủ các cấp, bậc học; đảm bảo điều kiện phát triển giáo dục...

1. Một số kết quả đạt được.

a. Phát triển mạng lưới, quy mô và đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 40 và 41/2000/QH10 của Quốc hội, Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15-11-2002 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, những năm qua, hầu hết các địa phương trong cả nước đều chủ động hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp trên địa bàn, xoá "xã trắng" về giáo dục mầm non, đẩy mạnh việc tách trường liên cấp mầm non (MN) - tiểu học (TH), TH - trung học cơ sở (THCS), THCS - trung học phổ thông (THPT), đồng thời, xây

dựng thêm trường học ở các địa bàn tập trung dân cư, trong đó, đặc biệt ưu tiên tạo điều kiện kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, kiên cố hoá trường, lớp ở các vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

Năm học 2004-2005, số trường học ở các cấp đã tăng so với năm học trước. Theo số liệu thống kê đầu năm học, cả nước có 37.270 trường, với 10.453 trường MN, mẫu giáo (tăng 349 trường); 14.518 trường TH (tăng 174 trường); 10.075 trường THCS (tăng 202 trường); 2.224 trường THPT (tăng 84 trường).

Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú được củng cố, mở rộng với 13 trường trung ương, 50 trường tỉnh, 266 trường huyện và 519 trường bán trú xã, cụm xã.

Trung học chuyên nghiệp (THCN) có 288 trường (không kể các trường của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), với 246 trường công lập và 42 trường ngoài công lập. Nhiều địa phương đã xây dựng quy hoạch mạng lưới trường THCN trên địa bàn với yêu cầu đa dạng hoá loại hình, có đầu tư thích hợp, hỗ trợ và khuyến khích mở rộng ngành nghề, hình thức đào tạo, định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề truyền thống, ngành nghề mũi nhọn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngoài ra, còn có 257 trung tâm kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp; 29 trường

bổ túc văn hoá; 61 trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và 517 trung tâm giáo dục thường xuyên huyện...

Trong năm học 2004-2005, quy mô giáo dục mầm non và phổ thông tiếp tục tăng. Số cháu đến nhà trẻ là 421.436 (tăng 1,85% so với năm học trước) và mẫu giáo là 2.332.658; TH: 7.773.484 học sinh; THCS: 6.670.714; THPT: 2.802.101.

Số lượng sinh viên tăng đáng kể, từ 760.000 (năm học 1998-1999) lên hơn 1.000.000 sinh viên; trong đó, số sinh viên các trường ngoài công lập chiếm khoảng 11%; có gần 33.000 người được đào tạo sau đại học.

Chủ trương phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS đã có tác động tích cực trong việc mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Về cơ bản, tỉ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi năm 2004-2005 cao hơn so với năm học trước. Cụ thể, mẫu giáo 5 tuổi đạt 64%; TH: 98%; THCS: 84%; THPT: 43% (năm học 2003-2004, tỉ lệ tương ứng là 51,14%; 94,43%; 76,86% và 40,77%). Tính đến tháng 7-2005, cả nước có 26/64 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS.

b. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Đầu năm học 2004-2005, toàn ngành có gần 1 triệu giáo viên. Việc tăng cường đội ngũ đã giải quyết một phần tình trạng thiếu giáo viên, có thêm điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục. Năm học này, tỉ lệ cháu/có ở nhà trẻ là 9,9 và mẫu giáo là 20,7; tỉ lệ giáo viên/lớp tính bình quân chung cả nước, ở TH là 1,25; THCS: 1,73 và THPT: 1,78 (các tỉ lệ tương ứng của năm học trước là 1,21; 1,70 và 1,77). Các trường cao đẳng, đại học trong cả nước cũng đào tạo bổ sung hàng trăm

ngàn giảng viên...

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và trên chuẩn ngày càng cao. Cụ thể, nhà trẻ đạt 42%; mẫu giáo: 75%; TH: 92%; THCS: 93%; THPT: 97%; dạy nghề: 71%; THCN: 86,3%...

Công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phục vụ đổi mới chương trình giáo dục được quan tâm chú trọng. Qua 3 năm triển khai đại trà chương trình, sách giáo khoa mới, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở các địa phương đã được tạo điều kiện tốt nhất để tiếp cận với việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, sử dụng thiết bị dạy học và đổi mới đánh giá học sinh...

c. Về đầu tư cho giáo dục.

Năm 2005, ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo là 41.630 tỉ đồng, chiếm 18% trong tổng chi ngân sách nhà nước. Trong đó, chi thường xuyên là 26.575 tỉ đồng (tăng 6,8% so với năm 2004); phần chi Chương trình mục tiêu quốc gia tăng 42% so với năm trước; chi đầu tư xây dựng cơ bản: 6.623 tỉ đồng (tăng 35%)...

Phân chênh lệch tăng lên so với năm 2004 được tập trung cho thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của ngành: tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục đào tạo; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó trọng tâm là thực hiện Dự án đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa; tăng cường giáo dục miền núi, vùng dân tộc và vùng có nhiều khó khăn; bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, đưa tin học vào nhà trường...

Việc thực hiện chương trình kiên cố hoá trường, lớp học MN, phổ thông được triển khai rộng rãi, góp phần quan trọng tăng cường cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá. Năm học 2004-2005, cả nước có 508.873 phòng học MN và phổ thông,

tăng 25.960 phòng so với năm trước, trong đó có gần 30.000 phòng học bộ môn, gần 10.000 phòng thí nghiệm, 16.000 phòng thư viện, hơn 1.000 phòng tập thể dục thể thao. Số phòng học cấp 4 và phòng học kiên cố là 462.753, chiếm tỉ lệ 91%. Theo báo cáo của các địa phương, đến tháng 6-2005, đã triển khai xây dựng thêm 42.148 phòng, đạt tỉ lệ 70,8% so với số phòng học cần xây dựng; trong đó, số phòng học đã hoàn thành đưa vào sử dụng là 34.055 phòng, đạt 57,2%...

d. Về công tác quản lý giáo dục.

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 166/2004/NĐ-CP ngày 16-9-2004 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, hầu hết các địa phương đã tiến hành xây dựng Đề án thực hiện phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, xây dựng chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc của cơ quan sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục-đào tạo. Đến tháng 6-2005, đã có 55 sở giáo dục và đào tạo xây dựng xong đề án.

Công tác thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh kỉ cương, nề nếp trong giảng dạy và học tập được tăng cường. Các địa phương đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra. Cụ thể, đã trình Chính phủ kí ban hành Nghị định số 49/2005/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục, trình Chính phủ dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý dạy thêm, học thêm... Đồng thời, tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên đề và công tác thường xuyên tại các địa phương. Bộ đã phối hợp với các địa phương thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra

chuyên môn, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo...

Nhìn chung, công tác quản lý giáo dục tiếp tục được đổi mới, chủ trương xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, môi trường pháp lý được hoàn chỉnh về cơ bản sau khi Quốc hội XI thông qua *Luật Giáo dục* sửa đổi. Việc xây dựng cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục được cải tiến, bộ máy tổ chức được kiện toàn cùng với việc quy định trách nhiệm của các sở, phòng giáo dục và đào tạo đã giúp UBND cấp tỉnh, huyện quản lý tốt hơn lĩnh vực giáo dục...

Tuy nhiên, nền giáo dục nước ta vẫn còn một số mặt hạn chế cần khắc phục, đó là: chất lượng giáo dục còn bất cập, ở giáo dục phổ thông vẫn còn tình trạng "thiên về dạy chữ, nhẹ về dạy người". Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS và THPT còn yếu, tạo ra sức ép lớn cho giáo dục đại học trong việc đáp ứng quy mô và bảo đảm chất lượng. Phương pháp giáo dục còn lạc hậu, chậm đổi mới, cách dạy, cách học trong nhà trường chủ yếu vẫn là truyền thụ một chiều, chưa phát huy tinh thần sáng tạo của người học. Hiệu quả giáo dục chưa cao, tỉ lệ người học có việc làm theo đúng ngành nghề đào tạo còn thấp, nhất là ở đại học; việc sử dụng sinh viên tốt nghiệp diện cử tuyển còn nhiều lãng phí, chưa đúng mục đích cử đi học. Đội ngũ giáo viên vừa thừa vừa thiếu, chưa đồng bộ; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận còn thấp. Nguồn lực tài chính cho giáo dục còn hạn chế; cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu. Thiếu các chính sách cụ thể, đồng bộ và đủ mạnh để đảm bảo cho giáo dục phát triển bền vững. Con em các gia đình nghèo, con em đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận học tập, nhất là ở các bậc học cao. Các tiêu cực

trong dạy thêm, học thêm ở một số địa phương chưa được ngăn chặn có hiệu quả...

2. Một số giải pháp đẩy mạnh phát triển giáo dục trong thời gian tới.

Một là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chuẩn quốc gia cho giáo dục, tiếp tục hoàn thiện chuẩn giáo dục phổ thông, xây dựng hệ thống chuẩn của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học làm căn cứ cho việc chỉ đạo thực hiện, tổ chức dạy học và đánh giá chất lượng giáo dục. Xây dựng danh mục ngành nghề và chương trình nhân lực quốc gia, trong đó xác định rõ nhu cầu nhân lực ở các trình độ khác nhau trong các ngành kinh tế - xã hội để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và thị trường lao động. Chương trình nhân lực quốc gia và danh mục ngành nghề sẽ góp phần định hướng mục tiêu giáo dục không chỉ cho hệ thống giáo dục mà còn cho từng trường cao đẳng, đại học và dạy nghề, giúp học sinh sớm định hướng nghề nghiệp của mình.

Hai là, hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục, xây dựng hệ thống giáo dục theo hướng liên thông. Quan tâm đầy đủ đến hệ thống giáo dục cho người lớn, làm nòng cốt cho việc xây dựng xã hội học tập. Soạn thảo các chương trình đào tạo bảo đảm sự liên thông giữa các bậc học, tạo điều kiện cho người lao động có thể học xong chương trình đại học trong cuộc đời lao động của mình mà không nhất thiết phải thi vào đại học ngay sau khi tốt nghiệp THPT.

Ba là, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục đổi mới nội dung và chương trình giáo dục trên cơ sở kết hợp kiến thức cơ bản và chuyên ngành, truyền thống và hiện đại, tự nhiên và xã hội, lý thuyết với thực hành, nội khoá với ngoại

khoá để gắn đào tạo với thực tiễn. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và hướng nghiệp, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phát huy ưu điểm của các chương trình đào tạo hiện có của nước ta, đồng thời, tiếp nhận có chọn lọc những chương trình tiên tiến trên thế giới để xây dựng một hệ thống chương trình đa dạng, mềm dẻo, linh hoạt cho các trình độ đào tạo. Theo đó, trong thời gian tới, việc đổi mới giáo dục sẽ được tiến hành đồng bộ ở tất cả các cấp học, ngành học. Trước mắt, khẩn trương rà soát, chỉnh lý và hoàn thiện chương trình, sách giáo khoa ở bậc THPT và THCS. Chú ý hướng dẫn thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới ở các cấp học, bậc học vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số...

Riêng công tác phổ cập giáo dục, các sở giáo dục và đào tạo cần quán triệt nguyên tắc: phổ cập giáo dục phải đạt cả 2 yêu cầu tiến độ và chất lượng; phổ cập giáo dục THCS phải trên nền vững chắc của phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi, tránh tình trạng chạy theo tiến độ mà coi nhẹ chất lượng hoặc quá tập trung cho phổ cập giáo dục THCS mà bỏ quên phổ cập giáo dục TH đúng độ tuổi.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, coi trọng vai trò chủ động của người học, phát huy năng lực sáng tạo trong cách tiếp thu và vận dụng tri thức vào cuộc sống, phát triển ở người học năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự đánh giá và khả năng lập nghiệp. Từng bước đưa công nghệ thông tin vào tất cả các khâu trong quá trình dạy và học, có kế hoạch cụ thể thay đổi phương pháp giảng dạy cho từng chương trình, môn học, bậc học; khẩn trương *triển khai học chế tín chỉ* ở các trường đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp.

Bốn là, xây dựng và nâng cao chất

lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 16-5-2004 của Ban Bí thư Trung ương. Chú trọng đổi mới công tác đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm. Mở rộng phương thức đào tạo giáo viên sau khi đã tốt nghiệp đại học ở các chuyên ngành khác. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên. Bên cạnh đó, bố trí ngân sách để giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi đối với số giáo viên lớn tuổi, không đủ điều kiện tiếp tục công tác trong ngành. Đến năm 2010, đảm bảo có đủ giáo viên, giảng viên đạt chuẩn cho các cấp, bậc học. Chấn chỉnh công tác chức danh giáo sư, phó giáo sư theo hướng nâng cao dần chất lượng và gắn với các trường đại học. Bổ sung, hoàn thiện chính sách sử dụng giảng viên đại học.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh nhằm khuyến khích dạy và học sáng tạo; chấn chỉnh kỷ cương nề nếp, kiên quyết khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan. Đưa vào hoạt động hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng và công nhận các chương trình đào tạo, kết hợp giữa đánh giá từ bên trong và đánh giá từ bên ngoài.

Năm là, đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, đa dạng hoá nguồn lực để tăng cường đầu tư cho giáo dục trên cơ sở đổi mới quan niệm về vai trò của Nhà nước và trách nhiệm của xã hội đối với giáo dục, về lợi ích của các nhà đầu tư khi góp vốn mở trường. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở trường tư, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư trên cơ sở kiểm soát chặt về chất lượng. Điều chỉnh định hướng đầu tư từ ngân sách nhà nước, tập trung vào giáo dục phổ cập, phát triển giáo dục vùng khó khăn, các chương trình trọng điểm, chương trình nhân lực

quốc gia, học bổng cho người nghèo và diện chính sách. Xây dựng định mức chi phí đào tạo và chính sách tài trợ của Nhà nước về xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục. Phát triển các hình thức huy động cộng đồng tham gia quản lý nhà trường và giải quyết những vấn đề quan trọng của giáo dục như tham gia vào quá trình ra quyết định và xây dựng chính sách, xây dựng chương trình, đánh giá chất lượng giáo dục...

Triển khai xây dựng hệ thống giáo dục cho người lớn bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở dạy nghề, các trường cao đẳng cộng đồng và mạng lưới liên kết chương trình giáo dục của các trường đại học. Xây dựng kênh giáo dục truyền hình và các nội dung giáo dục trên mạng Internet để phát triển giáo dục từ xa.

Sáu là, đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý giáo dục, xác định rõ vai trò, nội dung và phương thức cụ thể của quản lý nhà nước về giáo dục, đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường và các cơ sở giáo dục, tập trung vào các nhiệm vụ sau: xây dựng và quản lý mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách phát triển giáo dục. Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để thu hút, cân đối các nguồn lực, điều chỉnh nhịp độ phát triển giáo dục và bảo đảm công bằng xã hội. Huy động và sử dụng các nguồn lực, tổ chức và phối hợp các lực lượng xã hội tham gia phát triển giáo dục. Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và đánh giá giáo dục. Sắp xếp, tổ chức lại việc quản lý giáo dục trên cơ sở phân cấp, phân quyền mạnh cho địa phương và cơ sở, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng cấp quản lý...□